

Bản án số: 175/2024/HS-ST

Ngày: 27 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ BIÊN PHỦ, TỈNH Đ BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Minh

Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ Biên Phủ, tỉnh Đ Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ Biên Phủ, tỉnh Đ Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ Biên Phủ, tỉnh Đ Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 181/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Quàng Văn P, bị cáo không có tên gọi khác; sinh năm 1991 tại tỉnh Đ Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản Sáng, xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo, tỉnh Đ Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; con ông: Quàng Văn M (Đã chết) và bà Lò Thị T; có vợ: Quàng Thị O; con: 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án: 01 tiền án. Ngày 28/9/2020, bị Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án nhưng đến nay chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2017, bị Toà án nhân dân Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tuyên miễn trách nhiệm hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2024 cho đến nay - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Tòng Văn P1; bị cáo không có tên gọi khác; sinh năm 1971 tại tỉnh Đ Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản Nà Ngám 2, xã Nà Nhạn, thành phố Đ Biên Phủ, tỉnh Đ Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; con ông: Tòng Văn M (Đã chết) và bà Tòng Thị H; vợ: Lù Thị Đ, con: 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 20/11/2017 bị Toà án nhân dân thành phố Đ Biên Phủ xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án, đến nay đã được xoá án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/4/2024 cho đến nay - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 01/04/2024, Quàng Văn P rủ Tòng Văn P1 cùng đi mua ma túy về sử dụng nhưng P1 nói không có tiền nên P bảo cứ đi theo P, P sẽ mua ma túy để cùng sử dụng nên P1 đồng ý. Cả hai đi bộ từ khu vực trường Tiểu học Hà Nội – Đ Biên Phủ đến khu vực bản H1, phường N2, thành phố Đ Biên Phủ để tìm mua ma túy. Khi đến bãi đất trống thuộc bản H1, P bảo P1 đứng đợi rồi đi bộ khoảng 20m, gặp và mua được ma túy của 01 người phụ nữ không quen biết 02 gói ma túy gồm 01 gói nilon màu trắng, tiếp đến là mảnh giấy màu trắng chứa các cục chất bột màu trắng đục với giá 200.000 đồng, có khối lượng 0,18 gam và 01 gói nilon màu trắng, tiếp đến là mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ màu xanh chứa 01 cục chất bột màu trắng đục với giá 80.000 đồng, có khối lượng 0,1 gam. Khi P mua ma túy với người phụ nữ, P1 không để ý, cũng không biết P mua được bao nhiêu gói ma túy. Sau khi mua xong, P cầm 02 gói ma túy quay chỗ P1 đợi nhưng chỉ đưa cho P1 cầm một gói ma túy có khối lượng 0,1 gam để cả hai cùng sử dụng chung; gói ma túy còn lại có khối lượng 0,18 gam P không nói cho P1 biết mà cầm trong lòng tay phải của P rồi cả hai cùng đi về, nhằm mục đích sử dụng cho riêng bản thân P. Trên đường về vào hồi 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả hai đi đến khu vực tổ 14, phường Mường Thanh, thành phố Đ Biên Phủ thì gặp tổ công tác công an thành phố Đ Biên Phủ đang làm nhiệm vụ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm 01 gói ma túy P cầm khối lượng 0,18 gam và 01 gói ma túy P1 cầm khối lượng 0,1 gam.

Tại Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 02/4/2024 đã xác định: khối lượng vật chứng thu giữ của Quàng Văn P ký hiệu H1 là 0,18 gam; khối lượng vật chứng thu giữ của Quàng Văn P và Quàng Văn P1 ký hiệu H2 là 0,1 gam; lấy toàn bộ vật chứng gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 644/KL-KTHS ngày 08/4/2024 của P1 Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ Biên đã kết luận: Khối lượng vật chứng ký hiệu H1: 0,18 gam; H2: 0,10 gam; là chất ma túy: Loại Heroin (Heroine). Hoàn lại đối tượng giám định H1: 0,14 gam; H2: 0,05 gam theo biên bản đOg gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về các kết luận giám định nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 114/CT-VKSTPĐBP ngày 26/7/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ Biên Phủ đã truy tố bị cáo Quàng Văn P và Tòng Văn P1 về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố các bị cáo Quàng Văn P và Tòng Văn P1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1,2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 58/BLHS: Xử phạt bị cáo Quàng Văn P từ 20 tháng đến 23 tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58/BLHS: Xử phạt bị cáo Tòng Văn P1 từ 14 tháng đến 17 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 0,19 gam Heroine vật chứng còn lại sau giám định, 02 mảnh nilon màu trắng và 02 mảnh giấy màu trắng do không có giá trị.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí HSST cho Quàng Văn P do bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn còn Tòng Văn P1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố, luận tội của Viện kiểm sát và có không lời bào chữa gì cho hành vi của mình. Bị cáo P đề nghị miễn án phí HSST cho bị cáo.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ Biên Phủ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ Biên Phủ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo P1, P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, Kết luận giám định, Kết luận điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định: Hồi 21 giờ 30 phút ngày 01/4/2024 tại tổ dân phố 14, phường Mường Thanh, thành phố Đ Biên Phủ, tỉnh Đ Biên, Tòng Văn P1 có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,10 gam Heroine mục đích để cùng Quảng Văn P sử dụng còn Quảng Văn P có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,18 gam Heroine để bản thân P sử dụng. P1 không biết và cũng không được P bàn bạc, thống nhất đối với lượng ma túy mà P cất giấu riêng nên P1 chỉ chịu trách nhiệm về lượng ma túy mà P1 cất giấu trên người P1 là 0,10 gam Heroine. Còn P phải chịu trách nhiệm về tổng khối lượng ma túy đã mua là 0,28 gam Heroine. Hành vi của các bị cáo đã hoàn thành và được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vật chứng được cân xác định khối lượng một gói là 0,10 gam, một gói là 0,18 gam; kết luận giám định là đều chất ma túy, loại Heroine. Từ những căn cứ trên đủ cơ sở xác định: hành vi tàng trữ 0,10 gam Heroine của bị cáo P1 và hành vi tàng trữ 0,28 gam Heroine của bị cáo P đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Cáo trạng truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Các bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[3]. Xét vai trò của từng bị cáo:

Đối với hành vi tàng trữ 0,10 gam Heroine của P1 nhằm mục đích để P1 và P sử dụng chung, HĐXX nhận thấy đây là hành vi có tính chất đồng phạm nhưng không thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn theo Điều 17/BLHS. Trong đó P là người khởi xướng và trực tiếp mua bán ma túy, P1 là tích cực cùng P thực hiện hành vi phạm tội nên vai trò của P tích cực hơn, do vậy phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn so với bị cáo P1.

[4]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, mà nguyên nhân là do bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sử dụng ma túy trái phép. Bản thân các bị cáo là người nghiện ma túy, đều nhận thức được tác hại của ma túy, biết hành vi tàng trữ chất ma túy là trái pháp luật song vì nhu cầu của bản thân đã bất chấp và cố tình vi phạm. Do đó cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đủ sức răn đe, giáo dục

các bị cáo và làm gương cho các đối tượng trẻ tuổi tránh mắc phải các tệ nạn trên.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân và hình phạt

Về nhân thân:

Đối với bị cáo Quàng Văn P: Năm 2017, bị cáo P bị Toà án nhân dân Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tuyên miễn trách nhiệm hình sự tại bản số 219/2017/HSST, chứng tỏ bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị pháp luật điều chỉnh nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội.

Đối với bị cáo Tòng Văn P1: Năm 2017, bị cáo P1 bị Toà án nhân dân thành phố Đ Biên Phủ tỉnh Đ Biên xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” án phạt 24 tháng tù tại bản số 21/2017/HSST, chứng tỏ bị cáo cũng có nhân thân xấu, không tuân thủ pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Riêng bị cáo P có bố đẻ được Nhà nước trao tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Quàng Văn P: Năm 2020, bị cáo P Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Đ Biên xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, án phạt 03 năm 06 tháng tù về tội tại bản án số 70/2020/HSST. Bản án này chưa được xoá án tích mà đến ngày 01/4/2024, P lại phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS.

Đối với bị cáo Tòng Văn P1: Bị cáo không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo P, bị cáo P1 là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng... Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo P, P1 tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người nghiện ma túy, đều không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung với P, P1.

[7]. Về vật chứng và các vấn đề khác:

Vật chứng là 0,19 gam Heroine (vật chứng còn lại sau khi giám định), là vật nhà nước cấm tàng trữ lưu hành cần phải tịch thu tiêu theo quy định tại điểm c khoản

1 Điều 47/BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS. 02 mảnh giấy màu trắng, 02 mảnh nilon màu trắng là vật để đựng, gói ma túy do không có giá trị nên cần tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

Bị cáo P khai mua ma túy của người phụ nữ không quen biết nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, điều tra, làm rõ; HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Tòng Văn P1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quàng Văn P do bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, tuyên bố các bị cáo Quàng Văn P, Tòng Văn P1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1,2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Quàng Văn P** 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 01/4/2024);

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Tòng Văn P1** 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 01/4/2024);

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,19 gam Heroine (là vật chứng còn lại sau khi giám định), 02 mảnh nilon màu trắng, 01 mảnh giấy màu trắng và 01 mảnh giấy màu trắng có in dòng kẻ xanh.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa Chi cục thi hành án dân sự và Cơ quan cảnh sát điều tra).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Tòng Văn P1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tòng Văn P.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/8/2024).

Nơi nhận:

- VKSND TP ĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TP ĐBP
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- TAND tỉnh Đ Biên;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- HS THAHS;
- Các bị cáo,
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà